

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Sương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hòa

Ông Phạm Hùng Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 281/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh H - sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Phò Thiện, xã Diên Phước, Diên Khánh, Khánh Hòa.

Địa chỉ liên lạc: Thôn Phong Ấp, xã Ninh Bình, Ninh Hòa, Khánh Hòa.

Bà H có mặt.

- Bị đơn: Ông Đinh Duy L - sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Phò Thiện, xã Diên Phước, Diên Khánh, Khánh Hòa.

Ông L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H trình bày:

Bà và ông Đinh Duy L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa vào năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống tại gia đình chồng ở Diên P. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau vợ chồng bà thường mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân do ông Linh thường xuyên đi qua đêm không về nhà, đi đâu thì không

nói với bà, dần dần mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình, không ai còn quan tâm đến nhau. Năm 2015, bà đã nộp đơn xin ly hôn với ông L nhưng sau đó bà rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2018 thì tiếp tục mâu thuẫn, ông L vẫn không có gì thay đổi, vợ chồng vẫn hay kinh cãi, có lần ông L còn đánh bà; cuộc sống chung của vợ chồng bà không còn hạnh phúc. Vào khoảng tháng 8/2019, sau khi cãi nhau, bà đã dẫn con về nhà mẹ ruột tại thị xã Ninh H sinh sống cho đến nay. Khi bà về Ninh H sinh sống thì ông L có tới thăm con và mong bà quay về nhưng bà không chấp nhận vì bà đã cho ông L nhiều cơ hội. Nay bà xác định không còn tình cảm gì với ông L nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà và ông L có một con chung là Đinh Gia B - sinh ngày 08/4/2011. Hiện nay cháu B đang sống cùng với bà và học tại trường tiểu học Ninh B, thị xã Ninh H. Khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có.

- Bị đơn ông Đinh Duy L không có lời khai.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn không có lời khai, không đến Tòa làm việc.

Về nội dung: Sau khi xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của đương sự tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H đối với ông Đinh Duy L. Giao con chung Đinh Gia B, sinh ngày 08/4/2011 cho bà Trần Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Đinh Duy L. Bà H xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Đinh Duy L tham gia phiên tòa nhưng ông L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh H và ông Đinh Duy L tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28/02/2011 và được Ủy ban nhân dân xã Diên P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09/2011, đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đinh Duy L vì cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn; bà không còn tình cảm với ông L, không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân. Thực tế vợ chồng bà H và ông L không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2019 đến nay; mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông L đến Tòa để làm việc liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các phiên hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nhưng ông L đều không đến Tòa làm việc, không có lời khai và tại phiên tòa ông L cũng vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy ông L có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của vợ chồng, không muốn hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình. Như vậy đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Bà Trần Thị Thanh H và ông Đinh Duy L có một con chung là Đinh Gia B - sinh ngày 08/4/2011. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu B còn nhỏ, hiện đang sống cùng bà H, cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ nên để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của cháu B cần giao cháu cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung, ông L không có lời khai về vấn đề này nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông L.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Thanh H xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Do bị đơn ông L chưa có lời khai về vấn đề này nếu sau này đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Trần Thị Thanh H được ly hôn với ông Đinh Duy L.

2. Về con chung: Giao con chung Đinh Gia B, sinh ngày 08/4/2011 cho bà Trần Thị Thanh H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Đinh Duy L. Ông Đinh Duy L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, bà H và ông L đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Thanh H xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Do bị đơn ông Đinh Duy L chưa có lời khai về vấn đề này nếu sau này đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà Hồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007274 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D. Như vậy, bà H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã Diên P (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Tuyết Sương